

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thanh**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn H
2. Ông Lương Văn C

- Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Lê Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn C - KSV

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/5/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST, ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâu Thị C - Sinh ngày 10/8/1983.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông

Trú tại: Bản Lốc Há, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

2. Bị đơn: Anh Va Văn L - Sinh ngày 16/5/1981

Hiện tại đang chấp hành Quyết định thi hành án phạt tù tại: Phân trại số 2, Trại giam số 6 - Bộ Công an.

Địa chỉ: Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi được bảo vệ:

- Va Văn C , sinh ngày 07/9/2005; học sinh trường THCS Nhi Sơn

- Va Văn M , sinh ngày 28/5/2007, học sinh trường THCS Nhi Sơn

Đều trú tại: Bản Lốc Há, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi được bảo vệ có mặt; bị đơn vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện; bản tự khai đề ngày 26/02/2020; Biên bản hòa giải ngày 26/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Lâu Thị Cho trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Va Văn L tự do tìm hiểu yêu đương trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2000, chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2007 thì có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L uống rượu, quậy phá, không có trách nhiệm với vợ, con và gia đình. Thời gian đó chị vẫn chịu đựng được vì thương các con, hai bên gia đình cũng động viên, giúp đỡ nên đến ngày 18/6/2010 anh, chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát. Đến năm 2012 anh L vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù 15 năm. Hiện nay anh L đang chấp hành án tại Đội 30, phân trại 2, Trại giam số 6 - Bộ Công an. Thời gian từ đó đến nay chị một mình nuôi con cái, gia đình nhà chồng cũng không quan tâm chị và các con. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng, khó khăn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: Anh, chị có 04 con chung, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007. Hai con lớn đã lấy chồng và có gia đình riêng; hai con còn nhỏ hiện tại đang ở với chị, do chị chăm sóc, nuôi ăn, học, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con trai cho chị Cho trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cho đến khi các con trưởng thành. Chị cam đoan, ngoài 4 con chung kể trên, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại chị và các con sức khỏe tốt, không ốm đau, không bệnh hiểm nghèo, chị không có thai nghén.

Về Tài sản chung, nợ nần chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Anh Va Văn L xin được vắng mặt tại phiên tòa, anh trình bày tại biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải ngày 26/6/2020, anh đồng ý như lời trình bày của chị C về hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân là do Anh đi cải tạo nhiều năm rồi nên chị không còn tình cảm với anh, anh biết chị vất vả nuôi con, không có ai giúp đỡ, chị không chịu được nên xin ly hôn, anh mong chị đợi anh về, anh sẽ bù đắp cho chị những gì chị đã phải chịu đựng khi anh không có ở nhà. Anh thấy vẫn còn tình cảm với chị nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý như ý kiến chị C , hai cháu lớn đã có gia đình riêng, 2 cháu còn lại nhờ chị nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh mãn hạn tù trở về.

Về tài sản chung và nợ nần chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh cam đoan, ngoài 4 con chung kể trên, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại sức khỏe anh rất tốt, không ốm đau, không có bệnh hiểm nghèo.

Tại bản nêu ý kiến và bản trình bày ngày 26/7/2020, cháu Va Văn C trình bày: Hiện tại cháu đang đi học ở trường THCS Nhi Sơn huyện Mường Lát, bố không có nhà, mình mẹ lo đi làm nuôi cháu và em rất vất vả, bố cháu thì không biết khi nào mới về, cháu thương mẹ, cháu muốn ở với mẹ và em Minh.

Tại bản tường trình và bản trình bày ngày 26/7/2020, cháu Va Văn M trình bày: Hiện tại cháu đang đi học ở trường THCS Nhi Sơn huyện Mường Lát, cháu ở với mẹ vì bố thì không có nhà từ khi cháu còn nhỏ. Nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ vì mẹ cháu có nhiều thời gian chăm sóc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đối với Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo.

Hội đồng xét xử thực hiện đúng các nguyên tắc do luật định. Nguyên đơn chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt vì lý do bất khả kháng, anh cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, như vậy bị đơn đã chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn sống ly thân từ năm 2012 và nguyên nhân do bị đơn Va Văn L vi phạm pháp luật, phải chấp hành án phạt 15 năm tù giam, hiện tại anh L đang chấp hành án tại Đội 30, phân trại 2, Trại giam số 6 - Bộ Công an. Thời gian từ đó đến nay chị Cho một mình nuôi con cái, không có ai chia sẻ những lúc khó khăn trong cuộc sống, chị thấy không thể chờ đợi anh được nữa. Thấy rằng cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị Lâu Thị C được ly hôn anh Va Văn L .

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh L có 04 con chung: Tên các cháu là Va Thị D , sinh năm 2001; Va Thị P , sinh năm 2002, hiện tại các cháu đã lấy chồng; Va Văn C , sinh ngày 07/9/2005 và Va Văn M ,

sinh ngày 28/5/2007, hiện cháu C và cháu M đang ở với chị C và nguyện vọng của 02 cháu đều muốn ở với mẹ, nên giao cả 02 cháu cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh L đang chấp hành án phạt tù, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ nần chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu chia tài sản chung và nợ nần chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 51, điều 56, khoản 2, khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâu Thị C .

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Va Văn C , sinh ngày 07/9/2005 và Va Văn M , sinh ngày 28/5/2007 cho chị Cho nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, không ai được ngăn cấm, cản trở anh L thăm nom con chung. Anh L không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Chị Cho và anh L có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi có đủ các điều kiện quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mường Lát giải quyết thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Anh L đang chấp hành án phạt 15 năm tù tại Đội 30, Phân trại số 2, Trại giam số 6 - Bộ Công an, có địa chỉ tại: Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng:* Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lâu Thị Cho là Nguyên đơn; anh Va Văn Ly là bị đơn.

[4] *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:* Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại 196, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và tốt quyền, nghĩa vụ của

mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Va Văn L đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã phối hợp với Tòa án. Do vậy, Bị đơn chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về hôn nhân*: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của các đương sự tại các bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, Biên bản hòa giải, Đơn trình bày và tại phiên tòa thì: Nguyên đơn và Bị đơn tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc, tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2000 và đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2010 tại UBND xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã đăng ký kết hôn đúng pháp luật theo quy định tại điều 8 và điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy thời gian đầu 02 vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 anh L đi chấp hành án phạt 15 năm tù, chị Cho ở nhà một mình nuôi con, không có sự quan tâm, giúp đỡ của anh, em, họ hàng bên chồng, chị thấy mình thiệt thòi, nay tình cảm chị dành cho anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Cho làm đơn xin ly hôn anh Va Văn L, các đương sự có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mường Lát giải quyết vụ án. Căn cứ điều 39 bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì chị Cho làm đơn gửi đến Tòa án yêu cầu ly hôn là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản khai, tại phiên hòa giải, Đơn trình bày của các đương sự và tại phiên tòa thì nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn; bị đơn không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về Hôn nhân: Nguyên đơn có nguyện vọng muốn xin ly hôn, bị đơn không muốn ly hôn. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 17/7/2020 tại Bản Lốc Há, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì tình trạng hôn nhân của chị C và anh L đã không còn hạnh phúc, vợ chồng đã xa cách nhiều năm do anh L không làm tròn nghĩa vụ chăm sóc con cùng chị Cho của một người bố vì anh L đang chấp hành án phạt tù tại Đội 30, Phân trại số 2, Trại giam số 6 - Bộ Công an có địa chỉ tại: Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ an. Căn cứ điều điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án giải quyết cho chị Lâu Thị C và anh Va Văn L ly hôn theo yêu cầu của một bên đối với chị Lâu Thị C.

[6] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình chung sống chị C và anh L có 04 con chung: Tên các cháu là Va Thị D, sinh năm 2001 (Đã lấy chồng và có gia đình riêng); Va Thị P, sinh năm 2002 (Đã về nhà chồng ở

theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông); Va Văn C , sinh ngày 07/9/2005 và Va Văn M , sinh ngày 28/5/2007, hiện cháu C và cháu M đang ở với chị C và nguyện vọng của 02 cháu đều muốn ở với mẹ nên giao cháu Co và cháu M cho chị Cho nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh L đang chấp hành án phạt tù, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, nên tôn trọng sự tự nguyện của đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, trong biên bản hòa giải, bị đơn đồng ý cho chị Cho được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Va Văn C và Va Văn M cho đến khi cháu trưởng thành, anh chưa có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án xem xét đến yêu cầu của các đương sự và nguyện vọng của các cháu, căn cứ khoản 2, khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao các cháu Va Văn C và Va Văn M cho chị Lâu Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, Anh L khi mãn hạn tù được quyền thăm con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Trừ trường hợp anh L có ý định xấu, gây khó khăn, bất lợi cho chị Cho và các con. Căn cứ: Điều 84, điều 116, điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình và mục 26 phần III của Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thì Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định. Chị C có quyền đề nghị thay đổi việc trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[6] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 khoản 1 điều 12, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Nguyên đơn được miễn chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 68, khoản 4 điều 147, Điều 227, 228 và 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào: Điều 8, 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điều 88, điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ: Điều 1 khoản 1 điều 12, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Lâu Thị Ch .

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị Lâu Thị C ly hôn với anh Va Văn L

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao các cháu: Va Văn C , sinh ngày 07/9/2005 và Va Văn M , sinh ngày 28/5/2007 cho chị Lâu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Ly cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Lâu Thị C được miễn án phí HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi được bảo vệ; Bị đơn vắng mặt có lý do. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND huyện tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nhi Sơn, H. Mường Lát;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T